

Bản án số: 166/2022/DS-ST

Ngày: 31 - 8 - 2022

Về việc: *Tranh chấp cử người giám hộ.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phổ
2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2019/TLST-DS ngày 03/12/2019, về việc: “Tranh chấp về việc cử người giám hộ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ng – sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: đường Đ, Phường MN, quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Tr – sinh năm 1969 (có mặt tại phiên tòa – vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ thường trú: đường A, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Th – sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: đường B, xã V, huyện BCh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà H – sinh năm 1960.

Địa chỉ thường trú: đường H, phường H, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Tr1 – sinh năm 1966.

Địa chỉ thường trú: đường A, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà Tr1 là Bà Ng – sinh năm 1958 (theo Giấy ủy quyền có số công chứng 012133, quyền số 8/2022 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 15/8/2022 tại Văn phòng công chứng NgĐ) (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường MN, quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Tr2 – sinh năm 1963 (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: đường H, Phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà K – sinh năm 1964 (có mặt)

6/ Ông M – sinh năm 1956 (có mặt)

7/ Ông T – sinh năm 1962 (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: đường A, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông H mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định giải quyết việc dân sự số 63/2014/QĐ-VDS ngày 19/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận 6.

Ông H không có vợ con, có cha mẹ của bà là ông A (chết năm 2010) và bà B (chết năm 2003) và 10 anh chị em gồm: Bà Th, ông M, Bà Ng, ông T (chết năm 2016), bà H, ông T, bà Tr2, bà K, bà Tr1, ông Tr.

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2019, cùng lời khai của Bà Ng là nguyên đơn trình bày:

Sau khi cha của bà là ông A chết, gia đình bà xảy ra tranh chấp tài sản, đã được Tòa án nhân dân Quận 6 đã xét xử sơ thẩm theo bản án số 307/2016/DS-ST ngày 27/9/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo bản án số 570/2017/DS-PT ngày 22/6/2017 và hiện thi hành án theo quyết định số 47/QĐ-CCTHADS Q.6 ngày 20/10/2017. Trong giai đoạn xét xử vụ án này, bà Ng có xin Ủy ban nhân dân Phường MH, Quận S làm giám hộ cho ông T và ông H để thuận lợi cho việc giải quyết vụ án tại Tòa án. Và Ủy ban nhân dân Phường MH, Quận S có công văn số 238/UBND ngày 29/5/2014 gửi cho Ủy ban nhân dân Phường MN, quận BTh về việc cử Bà Ng làm người giám hộ cho ông T và ông H. Tuy nhiên, bà Ng không thể xin làm giám hộ cho ông T và ông H vì ông Tr không đồng ý, chỉ có giấy ưng thuận từ các anh chị em khác. Ủy ban nhân dân Phường MN, quận BTh có mời các ông bà lên để làm việc nhưng ông Tr vẫn không đồng ý. Ngày 04/12/2014, Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6 có công văn số 703/UBND gửi cho Bà Ng, cho bà Ng biết Ủy ban nhân dân Phường MH, Quận S không có thẩm quyền cử bà Ng làm người giám hộ cho ông H (ông T đã chết năm 2016).

Cho đến nay vẫn chưa có quyết định cử bà Ng làm người giám hộ cho ông H trong khi trước giờ bà Ng là người chăm lo cho ông H về vật chất sinh sống và khám chữa bệnh (bà Ng cung cấp các biên lai, hóa đơn đóng tiền trị bệnh, chăm sóc cho H). Hiện tất cả anh chị em là bà Th, ông M, bà H, ông T, bà Tr2, bà K, bà Tr1 đã đồng ý cử bà Ng là người giám hộ cho ông H. Còn ông Tr trước giờ thường xuyên xúc phạm anh chị em, mỗi khi đến Tòa án hoặc các cơ quan nhà nước để giải quyết tranh chấp của các anh chị em thì ông Tr đều không hợp tác mà thường xuyên la lối và không ký bất cứ biên bản nào.

Từ năm 2012 đến năm 2014, ông Tr nhận tiền cho thuê sạp của cha mẹ để lại và đưa cho em T mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng số tiền này không đủ sinh hoạt phí cho các em T, H, T, Tr1 nên bà Ng phải tự bỏ tiền ra lo cho 04 em

vừa nêu. Vì vậy bà Ng xác định ông Tr không có chăm lo cho các anh chị em mà chỉ là đưa tiền cho thuê sạp chợ như trên.

Bà Ng cho rằng bà có điều kiện để chăm lo cho ông H, vì bà Ng trước đây có kinh doanh, hiện tại có cho thuê mặt bằng nhà mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng, dùng tiền cho thuê nhà này để chăm lo cuộc sống của bà và chồng cùng với các anh chị em bị bệnh. Con của bà Ng cũng có cho tiền để chăm lo cho dì cậu phụ bà Ng và chồng của bà Ng có phụ giúp bà đưa các anh chị em đi khám bệnh.

Nay Bà Ng vẫn giữ yêu cầu Tòa án chỉ định bà Ng là người giám hộ cho ông H để chăm lo và đại diện cho ông H về mọi mặt trong cuộc sống của ông H từ đây về sau.

- Tại phiên hòa giải ngày 13/5/2020, ngày 05/7/2022 và tại phiên tòa hôm nay, ông Tr là bị đơn trình bày:

Trước giờ, khi ông đến Tòa án Quận 6 hay Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh đều không phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân vì Tòa án có mời thì ông mới đến và ông xác định không cung cấp giấy chứng minh nhân dân cho Tòa án, cũng như không ký tên vào văn bản nào của Tòa án.

Ông Tr không đồng ý để cho Bà Ng làm người giám hộ cho ông H vì lý do: Cha mẹ ông đã ủy quyền cho ông Tr giám hộ ông H theo giấy ủy quyền ngày 08/11/2009. Khi cha của các ông bà chết thì bà Ng lấy giấy tờ nhà, không lo cho cha lúc bệnh, yêu cầu niêm phong sạp chợ của cha (sạp cha đã ủy quyền cho ông Tr từ năm 2008). Khi cha còn sống bà Ng có đánh ông Tr. Còn bà Trinh không bệnh gì mà bà Ng đưa vào bệnh viện tâm thần (theo ông Tr nghĩ là do chồng bà Ng ăn ở với bà Tr1). Bà Ng muốn giám hộ H để được hưởng quyền lợi của các sạp chợ. Ông Tr có lo cho anh chị em là Hiếu, Tâm, Tân, Trinh bằng cách dùng tiền cho thuê sạp của cha ủy quyền đưa cho ông T(có ký nhận) hàng tháng 4 triệu đến 4,5 triệu từ năm 2013 đến 2018. Ông Tr có đưa tiền cho ông H mua sữa, mua thuốc, nhưng không có tài liệu chứng minh.

Theo ông Tr việc những anh chị em còn lại đồng ý để bà Ng giám hộ ông H là vì quyền lợi về tài sản.

Ông Tr có cung cấp các tài liệu là các bản photocopy: di chúc ngày 11/10/2008, giấy ủy quyền ngày 08/11/2009, biên bản tiếp công dân ngày 10/3/2014 tại trụ sở Ban quản lý chợ BT, biên bản hòa giải ngày 22/5/2014 tại Tòa án nhân dân Quận 6, bản án phúc thẩm số 570/2017/DS-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có 12 trang, biên bản họp ngày 28/9/2018 tại phòng kinh tế Quận 6, công văn 3727 ngày 02/11/2018 của Ủy ban nhân dân Quận 6, đơn xin xác nhận ngày 24/7/2019, quyết định số 65/2022/QĐST-VDS ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, văn bản trình bày ý kiến, giấy viết tay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Th, ông M, bà H, ông T, bà Tr2, bà K, bà Tr1 đã đồng ý cử bà Ng là người giám hộ cho ông H.

Tại phiên tòa, ông M, bà Th, bà K xác định bà Ng là người chăm lo cho ông H về vật chất và chi phí khám chữa bệnh. Còn ông Tr không có lo cho ông H như ông Tr trình bày và các lời khai khác của ông Tr là sai sự thật.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Ng chỉ định bà Ng làm người giám hộ cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 17/10/2019 Bà Ng đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2019 đối với ông Tr hiện cư trú tại L33 cư xá Phú Lâm A, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án chỉ định bà Ng là người giám hộ cho ông H, do đó đây là tranh chấp về việc cử người giám hộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Dân sự và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà Tr2, ông T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Tr2, ông T.

Khi tuyên án, ông Tr là bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Theo quyết định số 63/2014/QĐ-VDS ngày 19/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận 6 giải quyết việc dân sự tuyên bố ông H – sinh năm 1978 mất năng lực hành vi dân sự.

Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông H chưa có vợ con, có cha là ông A (chết năm 2010) và mẹ bà B (chết năm 2003) và có 10 anh chị em gồm: Bà Th, ông M, Bà Ng, ông T (chết năm 2016), bà H, ông T, bà Tr2, bà K, bà Tr1, ông Tr.

Theo công văn số 516/UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 12 Quận 6 cho biết ngày 29/5/2014 Ủy ban nhân dân Phường MH Quận S có ban hành công văn số 238/UBND gửi Ủy ban nhân dân Phường MN, quận BTh để ra quyết định cử người giám hộ cho ông H. Và ngày 10/12/2014 Ủy ban nhân dân Phường MH Quận S ban hành công văn số 736/UBND, 737/UBND hủy bỏ công văn số 238/UBND ngày 29/5/2014 nêu trên.

- Bà Ng trình bày trước giờ bà Ng là người chăm lo cho ông H về vật chất sinh sống và khám chữa bệnh. Bà Ng cho rằng bà có điều kiện để chăm lo cho ông H, vì bà Ng trước đây có kinh doanh, hiện tại có cho thuê mặt bằng nhà 133 Bạch Đằng mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng, dùng tiền cho thuê nhà này để chăm lo cuộc sống của bà và chồng cùng với các anh chị em bị bệnh. Con của bà Ng cũng có cho tiền để chăm lo cho di cữu phụ bà Ng và chồng của bà Ng có phụ giúp bà đưa các anh chị em đi khám bệnh.

Bà Ng cung cấp tài liệu là các bản photocopy: bảng kê chi phí khám bệnh chữa bệnh ngoại trú đối với ông H, hóa đơn thu tiền khám dịch vụ đối với ông H, phiếu thu tiền ăn của ông H.

Các tài liệu do bà Ng cung cấp nêu trên thể hiện bà Ng có bỏ tiền và công sức để chăm lo sức khỏe và điều trị bệnh cho ông H.

- Ông Tr trình bày tại phiên hòa giải ngày 13/5/2020 và ngày 05/7/2022 (không có ký tên vào biên bản hòa giải), cũng như tại phiên tòa là ông Tr không đồng ý để cho Bà Ng làm người giám hộ cho ông H vì: Cha mẹ ông đã ủy quyền cho ông Tr trung giám hộ ông H theo giấy ủy quyền ngày 08/11/2009. Khi cha của các ông bà chết thì bà Ng lấy giấy tờ nhà, không lo cho cha lúc bệnh, yêu cầu niêm phong sạp chợ của cha (sạp cha đã ủy quyền cho ông Tr từ năm 2008). Khi cha còn sống bà Ng có đánh ông Tr. Còn bà Trinh không bệnh gì mà bà Ng đưa vào bệnh viện tâm thần. Bà Ng muốn giám hộ H để được hưởng quyền lợi của các sạp chợ. Ông Tr có lo cho anh chị em là Hiếu, Tâm, Tân, Trinh bằng cách dùng tiền cho thuê sạp của cha ủy quyền đưa cho ông Tâm (có ký nhận) hàng tháng 4 triệu đến 4,5 triệu từ năm 2013 đến 2018. Ông Tr có đưa tiền cho ông H mua sữa, mua thuốc, nhưng không có tài liệu chứng minh.

Ông Tr cung cấp tài liệu là các bản photocopy: di chúc ngày 11/10/2008, giấy ủy quyền ngày 08/11/2009, biên bản tiếp công dân ngày 10/3/2014 tại trụ sở Ban quản lý chợ BT, biên bản hòa giải ngày 22/5/2014 tại Tòa án nhân dân Quận 6, bản án phúc thẩm số 570/2017/DS-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có 12 trang, không có bản ký tên đóng dấu của chủ tọa phiên tòa), biên bản họp ngày 28/9/2018 tại phòng kinh tế Quận S, công văn 3727 ngày 02/11/2018 của Ủy ban nhân dân Quận S, đơn xin xác nhận ngày 24/7/2019, quyết định số 65/2022/QĐST-VDS ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, văn bản trình bày ý kiến (không ghi ngày tháng trình bày, không có đề tên và chữ ký của người trình bày – tại phiên tòa, ông Tr trình bày ý kiến trong văn bản này là ý kiến của ông), giấy viết tay (ông Tr trình bày giấy này thể hiện ông T ký nhận tiền ông Tr đưa hàng tháng).

Các nội dung trong tài liệu do ông Tr cung cấp nêu trên liên quan đến quyền lợi đối với sạp chợ BT, và năng lực hành vi dân sự của bà Tr1, ông T không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng văn bản trình bày ý kiến (không ghi ngày tháng trình bày, không có đề tên và chữ ký của người trình bày) có nêu về bà Ng và chồng con bà Ng tại mục số 1,2,3,5,6,7,8,10,11,12 nhưng không chứng cứ chứng minh cho các nội dung này; nội dung tại mục số 4 có liên quan đến việc không ai nuôi 4 người không vợ/chồng trong đó có ông H, tuy nhiên phía bà Ng đã trình bày và cung cấp các tài liệu về việc đóng tiền ăn, chi phí khám chữa bệnh cho ông H, do đó nội dung nêu tại mục số 4 của văn bản này là không có cơ sở; Đối với nội dung tại mục số 13 nêu việc nuôi ông T, bà Tr1, ông H khi bà Ng chết và di sản của 3 người này được hưởng không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các nội dung còn lại trong văn bản này về việc thực hiện nghĩa vụ của người giám hộ thì người giám hộ có nghĩa vụ theo quy định của Điều 57 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung lo cho cuộc sống của 3 người trong đó có ông H thì theo giấy ủy quyền ngày

08/11/2009 không phải là giấy ủy quyền ông Tr làm người giám hộ mà có nội dung là ông Tr được cha ủy quyền đứng ra cho thuê sạp chợ BT lấy tiền để nuôi sống cha và các anh em là ông T, ông T, ông H, bà Tr1 và ông Tr trình bày hàng tháng có đưa cho ông Tâm nhận 4.000.000đồng đến 4.500.000đồng từ tiền cho thuê sạp này, cho thấy việc ông Tr đưa tiền cho ông Tâm là từ tiền cho thuê sạp là tài sản của cha ông Tr mà không phải là tiền riêng của ông Tr, đồng thời tại biên bản ngày 22/5/2014 ông T và bà Tr1 trình bày “*Hàng tháng ông Tr chỉ đưa cho 4 anh em tôi: Tân, Hiếu, Trinh, Tâm là 2.000.000đồng/tháng, ông Tr đưa trực tiếp cho ông Tâm, khi nhận tiền này, tôi Tâm có ghi ngày nhận tiền vào sổ, sổ này chỉ do ông Tr giữ, chúng tôi không có. Với số tiền 2.000.000đồng/tháng cả 4 anh em chúng tôi không đủ để chi tiêu sinh hoạt hằng ngày, chưa kể tiền thuốc thang cho anh em chúng tôi*” “*Ông Tr không có chăm lo gì cho chúng tôi và 02 người em mất năng lực hành vi dân sự Hiếu, Tân, chúng tôi không đồng ý cho ông Tr quản lý sạp vì ông Tr đã ngược đãi 4 người bệnh chúng tôi*”, ông Tr có trình bày thêm là ông có đưa tiền cho ông H mua sữa, mua thuốc nhưng không có tài liệu thể hiện, các đương sự còn lại xác định ông Tr không có lo cho ông H mà chỉ có bà Ng lo cho ông H. Như vậy không có chứng cứ chứng minh ông Tr có lo cho cuộc sống của ông H; còn lại nội dung về chữ ký của bà Tr1 tại giấy ủy quyền cũng không có chứng cứ chứng minh chữ ký trong giấy ủy quyền ngày 06/02/2020 và ngày 15/8/2022 không phải là của bà Tr1.

Từ những nhận định trên cho thấy lời trình bày của ông Tr và tài liệu do ông Tr cung cấp không chứng minh về việc bà Ng không đủ điều kiện làm người giám hộ.

- Mặt khác, các anh chị em còn lại là bà Th, ông M, bà H, ông T, bà Tr2, bà K, bà Tr1 đồng ý cử bà Ng là giám hộ cho ông H.

Qua xác minh, theo công văn số 315/UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân Phường MN quận BTh phúc đáp như sau : Căn cứ xác minh của cảnh sát khu vực, Bà Ng sinh năm 1958, ngụ tại đường Đ, Phường MN, quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian cư ngụ tại địa phương chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chưa phát hiện hành vi vi phạm.

Như vậy, bà Ng có đủ điều kiện làm người giám hộ theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 54 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ định Bà Ng là người giám hộ của ông H.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Ông Tr phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 54 Bộ

luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ng:

Chỉ định Bà Ng (sinh năm 1958, địa chỉ: đường Đ, Phường MN, quận BTh, Thành phố Hồ Chí Minh) là người giám hộ của ông H (sinh năm 1978, địa chỉ đường A, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 63/2014/QĐ-VDS ngày 19/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận 6).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tr phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng

3. Về quyền kháng cáo: Bà Ng, bà Th, bà H, bà Tr1, bà K, ông M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Ông Tr, bà Tr2, ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa